



NHIỆT LIỆT CHÀO MỪNG QUÝ THẦY CÔ
VỀ DỰ GIỜ THĂM LỚP 6A2



Hoạt động 1: Khởi động

Điền số thích hợp vào ô trống.

a) $A = 17 + 17 + 17 + 17 = 17 \cdot 4$

b) $B = (-3) \cdot 4 = (-3) + (-3) + (-3) + (-3) = -12$

c) $C = -(3 \cdot 4) = -12$

d) $D = (3) \cdot (2) = 6$

d) $D = (-3) \cdot (-2) = ?$

Để biết cách tính kết quả chính xác của phép tính $(-3) \cdot (-2)$, tích của hai số nguyên âm là số thế nào? Chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài mới ngày hôm nay?

**PHÉP
NHÂN
CÁC SỐ
NGUYÊN**



PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU



PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU



TÍNH CHẤT CỦA PHÉP NHÂN CÁC SỐ NGUYÊN

Tiết 36. PHÉP NHÂN CÁC SỐ NGUYÊN

Hoạt động : Hình thành kiến thức

I. PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU



a) Hoàn thành phép tính:

$$(-3) \cdot 4 = (-3) + (-3) + (-3) + (-3) = \boxed{?}$$

b) So sánh $(-3) \cdot 4$ và $-(3 \cdot 4)$

Giải:

$$a) (-3) \cdot 4 = (-3) + (-3) + (-3) + (-3) = -12$$

$$b) -(3 \cdot 4) = -12$$

$$\text{Vậy } (-3) \cdot 4 = -(3 \cdot 4)$$



Vậy để tìm tích $(-3) \cdot 4$ ta làm như thế nào?

$$-(3 \cdot 4) = -12$$

I. PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Để nhân hai số nguyên khác dấu ta làm như sau

- Bước 1**: Bỏ dấu “-” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại
- Bước 2**: Tính tích của hai số nguyên dương nhận được ở Bước 1
- Bước 3**: Thêm dấu “-” trước kết quả nhận được ở Bước 2, ta có tích cần tìm.

I. PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Ví dụ 1: Tính

a) $(-5) \cdot 6$

b) $5 \cdot (-2)$

Giải:

a) $(-5) \cdot 6 = - (5 \cdot 6) = -30$

b) $5 \cdot (-2) = - (5 \cdot 2) = -10$

*** Lưu ý:**

Tích của hai số nguyên khác dấu là số nguyên âm.

Nhận xét về kết quả của tích hai số nguyên khác dấu ?

000

I. PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN KHÁC DẤU

Để nhân hai số nguyên khác dấu ta làm như sau

Bước 1: Bỏ dấu “-” trước số nguyên âm, giữ nguyên số còn lại

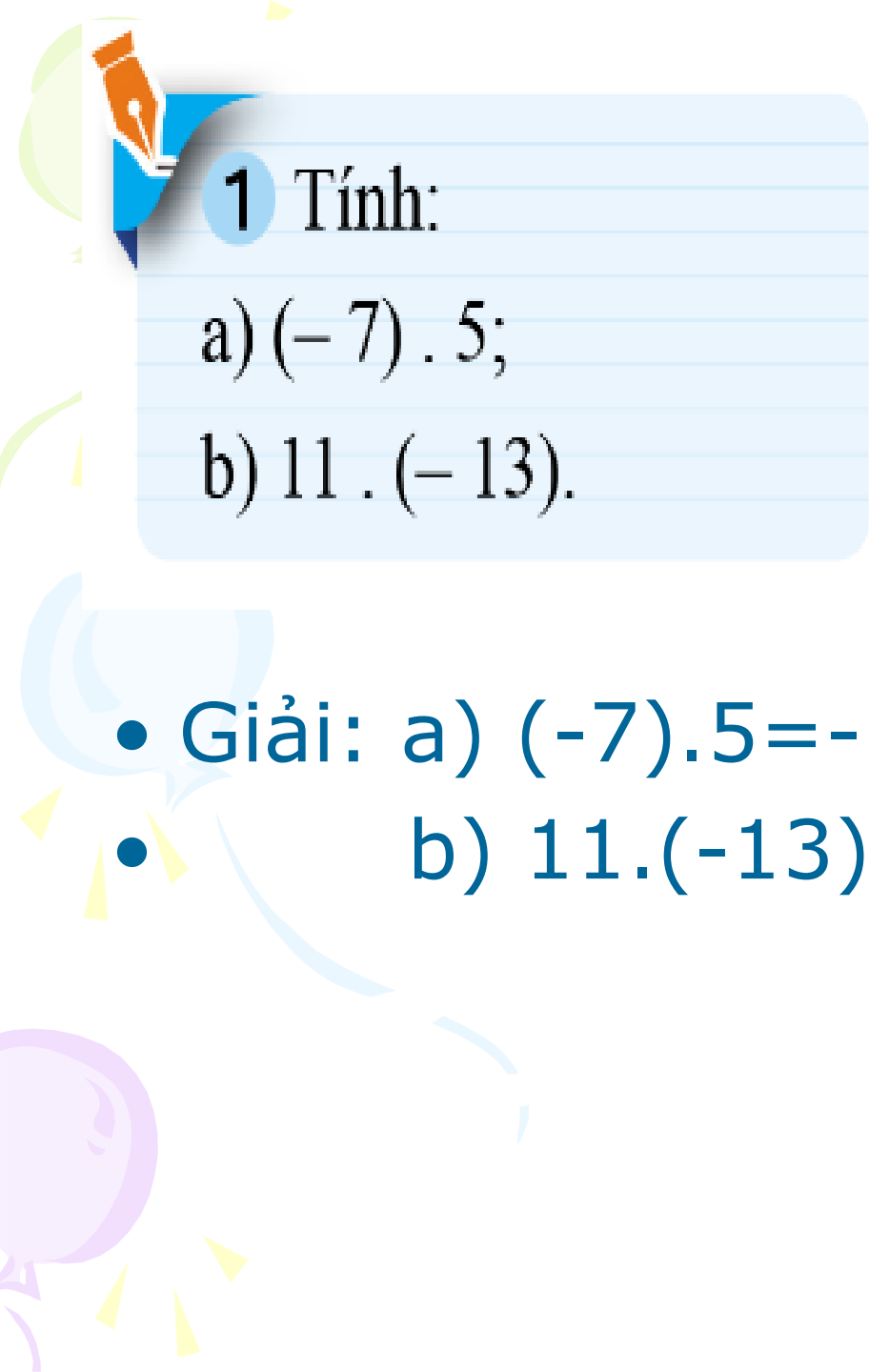
Bước 2: Tính tích của hai số nguyên dương nhận được ở Bước 1

Bước 3: Thêm dấu “-” trước kết quả nhận được ở Bước 2, ta có tích cần tìm.

1 Tính:

a) $(-7) \cdot 5$;

b) $11 \cdot (-13)$.



1 Tính:

a) $(-7) \cdot 5$;

b) $11 \cdot (-13)$.

- Giải: a) $(-7) \cdot 5 = -(7 \cdot 5) = -35$

- b) $11 \cdot (-13) = -(11 \cdot 13) = -143$

II. PHÉP NHÂN HAI SỐ NGUYÊN CÙNG DẤU

1. Nhân hai số nguyên dương.

Tích của hai số nguyên dương là tích của hai số tự nhiên khác 0. Chẳng hạn:

$$5.8 = 40$$

$$(+5).(+8) = 40$$



Hoạt động nhóm (5')

Bài tập:

- a) Tích hai số nguyên trái dấu luôn là một số nguyên dương ☐
- b) Tích hai số nguyên trái dấu luôn bằng 0 ☐
- c) Tích hai số nguyên dương luôn là một số nguyên dương. ☐

Bài toán: Vận dụng liên hệ thực tế:

Một thửa ruộng nhà bác Bình có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là 15m Chiều dài 25m. Hỏi diện tích thửa ruộng nhà bác Bình có bao nhiêu mét?



Hoạt động Nhóm: (5')

Bài tập 1:

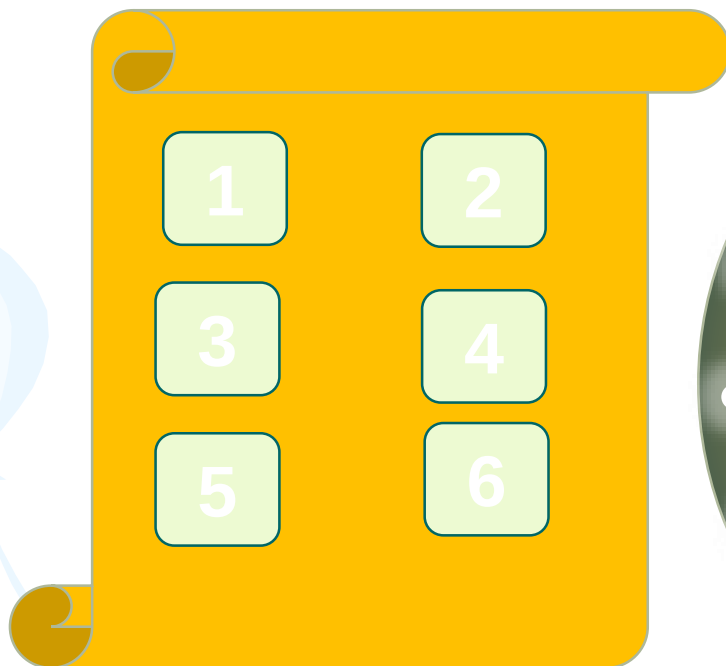
- a) Tích hai số nguyên trái dấu luôn là một số nguyên dương S
- b) Tích hai số nguyên trái dấu luôn bằng 0 S
- c) Tích hai số nguyên dương luôn là một số nguyên dương. Đ

Trả lời: Diện tích thửa ruộng hình chữ nhật nhà bác Bình là?

$$15.25=375 \text{ (} m^2 \text{)}$$

$$\text{Đáp số: } 375 \text{ (} m^2 \text{)}$$

VÒNG QUAY MAY MẮN



VÒNG QUAY MAY MẮN

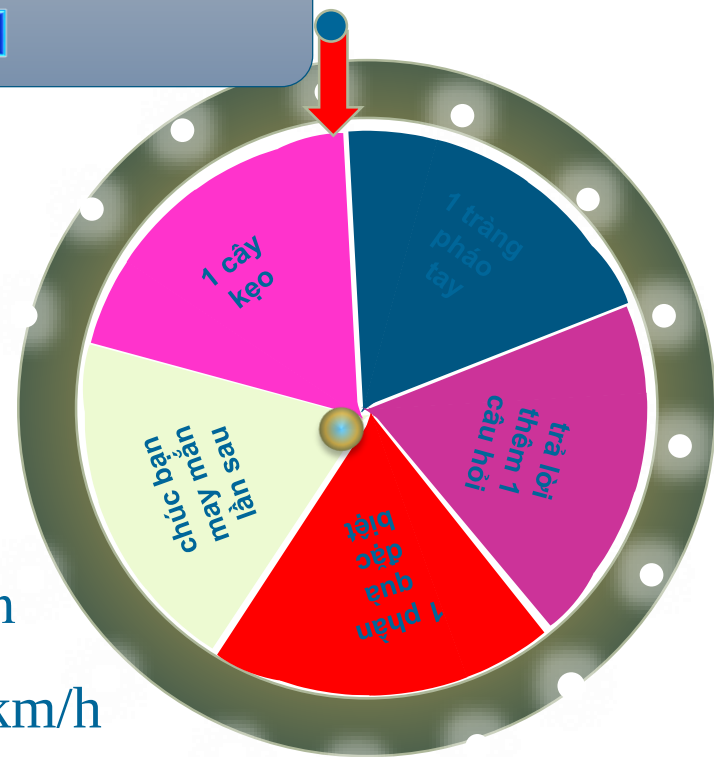
Câu 1. Phát biểu nào sau đây *không đúng* khi nói về khoảng cách an toàn giữa các xe đang lưu thông trên đường?

- A. Khoảng cách an toàn là khoảng cách đủ để phản ứng, không đâm vào xe trước khi gặp tình huống bất ngờ.
- B. Khoảng cách an toàn tối thiểu được quy định bởi Luật Giao thông đường bộ.
- C. Tốc độ chuyển động càng cao thì khoảng cách an toàn phải giữ càng lớn.
- D. Khi trời mưa hoặc thời tiết xấu, lái xe nên giảm khoảng cách an toàn.



VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu 2: Biển báo trong hình dưới đây có ý nghĩa gì?



- A. Tốc độ tối đa: 100km/h, tốc độ tối thiểu: 60km/h
- B. Tốc độ tối đa: là 60km/h, tốc độ tối thiểu: 100km/h
- C. Khoảng cách giữa 2 xe là 100m
- D. Chiều cao của xe không quá 100m

Câu 3. Kết quả của phép tính
 $170 - 270$

HẾT
GIỜ

~~-100~~ Đúng

~~100~~ Sai

~~420~~ Sai

~~-420~~ Sai

$$170 - 270 = 170 + (-270) = -100$$

TIẾP

VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu 3: Khoảng cách nào sau đây là khoảng cách an toàn đối với xe ô tô chạy với tốc độ 25 m/s?

- A. 35 m. B. 55 m.
C. 70 m.
D. 100 m.

Tốc độ lưu hành (km/h)	Khoảng cách an toàn tối thiểu (m)
$v = 60$	35
$60 < v \leq 80$	55
$80 < v \leq 100$	70
$100 < v \leq 120$	100



VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu 4: Tại sao khi xe đang chạy, tài xế cần phải điều khiển tốc độ để giữ khoảng cách an toàn với xe chạy liền trước của mình?

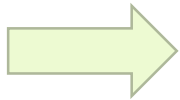
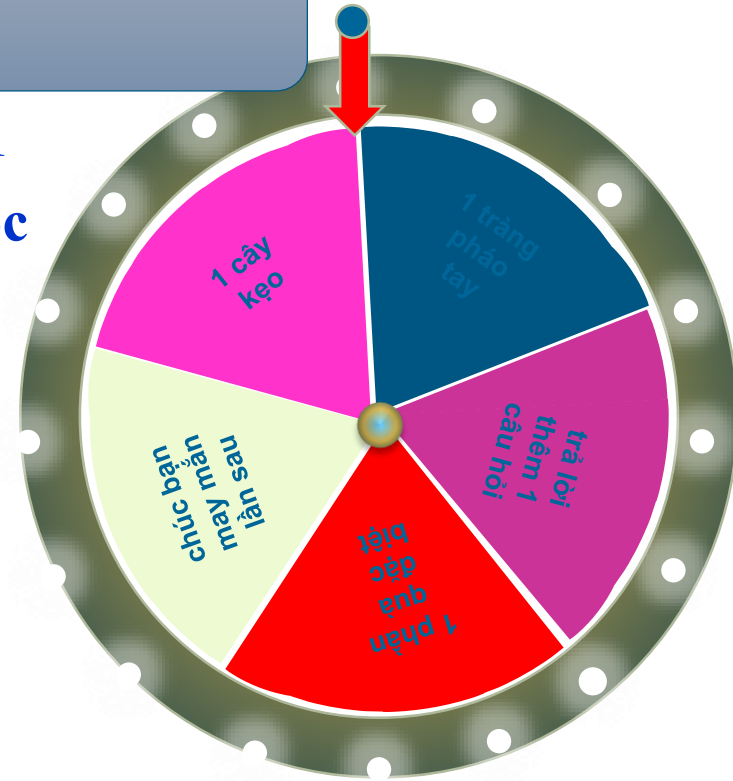
- A. Để đảm bảo tầm nhìn với xe phía trước.
- B. Để tránh va chạm khi xe phía trước đột ngột dừng lại.
- C. Để tránh khói bụi của xe phía trước.
- D. Để giảm thiểu tắc đường.



VÒNG QUAY MAY MẮN

Câu 6: 1 chiếc ô tô được
bắt tốc độ, thời gian ô tô chạy từ vạch mốc 1
và vạch mốc 2 cách nhau 5 m là 0,2 s. Nếu tốc
độ giới hạn là 22 m/s thì nhận xét nào dưới
đây là đúng?

- A. Tốc độ của ô tô: 20 m/s và ô tô không vượt tốc độ.
- B. Tốc độ của ô tô: 25 m/s và ô tô có vượt tốc độ
- C. Tốc độ của ô tô là 28 m/s và ô tô có vượt tốc độ.
- D. Tốc độ của ô tô là 18 m/s và ô tô không vượt tốc độ.



*Diện tích mỗi phần
là bao nhiêu mét vuông?*

Một thửa ruộng có dạng hình chữ nhật với chiều rộng là 150 m và chiều dài là 250 m. Người ta chia thửa ruộng đó thành bốn phần bằng nhau để gieo trồng những giống lúa khác nhau.



(Ảnh: Phạm Minh Phương)

I. Phép nhân



$$\begin{array}{ccccc} a & \times & b & = & c \\ \uparrow & & \uparrow & & \uparrow \\ \text{Thừa số} & & \text{Thừa số} & & \text{Tích} \end{array}$$

Quy ước:

- Trong một tích, ta có thể thay dấu nhân “ $\times$ ” bằng dấu chấm “ $.$ ”.

Ví dụ: $12 \times 5 = 12 . 5$.

- Trong một tích mà các thừa số đều bằng chữ hoặc chỉ có một thừa số bằng số, ta có thể không cần viết dấu nhân giữa các thừa số.

Ví dụ: $a \times b = a . b = ab$;

$4 . a . b = 4ab$.

1. Nhân hai số có nhiều chữ số.

Ví dụ 1 Đặt tính để tính tích: 175×312 .

Giải. Ta có:

$$\begin{array}{r} 175 \\ \times 312 \\ \hline 350 \\ 175 \\ 525 \\ \hline 54600 \end{array}$$

Vậy $175 \times 312 = 54\,600$.

Luyện tập 1:

1 Đặt tính để tính tích:
 341×157 .

$$\begin{array}{r} \times \quad 341 \\ \quad 157 \\ \hline 2387 \\ 1705 \\ 341 \\ \hline 53537 \end{array}$$

2. Tính chất của phép nhân

- Phép nhân các số tự nhiên có các tính chất sau:

- Giao hoán: $a.b = b.a$;
- Kết hợp: $(a . b) . c = a . (b . c)$
- Nhân với số 1: $a . 1 = 1 . a = a$
- Phân phối đối với phép cộng và phép trừ:

$$a . (b + c) = a . b + a . c$$

$$a . (b - c) = a . b - a . c$$

Do tính chất kết hợp nên giá trị của biểu thức $a . b . c$ có thể được tính theo một trong hai cách sau:

$$a . b . c = (a . b) . c$$

hoặc $a . b . c = a . (b . c).$

Phiếu học tập số 1:

Câu 1: Cho $a = 12$ và $b = 5$.

a) Tính $a \cdot b$ và $b \cdot a$.

b) So sánh các kết quả nhận được ở câu a).

Câu 2: Tìm số tự nhiên c sao cho:

$$(3 \cdot 2) \cdot 5 = 3 \cdot (2 \cdot c)$$

Câu 3: Tính và so sánh:

$$3 \cdot (2 + 5) \text{ và } 3 \cdot 2 + 3 \cdot 5$$

Trả lời:

Câu 1: a) $a \cdot b = 12.5 = 60$, $b \cdot a = 5.12 = 60$.
b) $a \cdot b = b \cdot a$.

Câu 2: $(3 \cdot 2) \cdot 5 = 3 \cdot (2 \cdot 5)$
Vậy $c = 5$

Câu 3: Ta có: $3 \cdot (2 + 5) = 21$; $3 \cdot 2 + 3 \cdot 5 = 21$
Vậy: $3 \cdot (2 + 5) = 3 \cdot 2 + 3 \cdot 5$

Ví dụ 2 Tính một cách hợp lí:

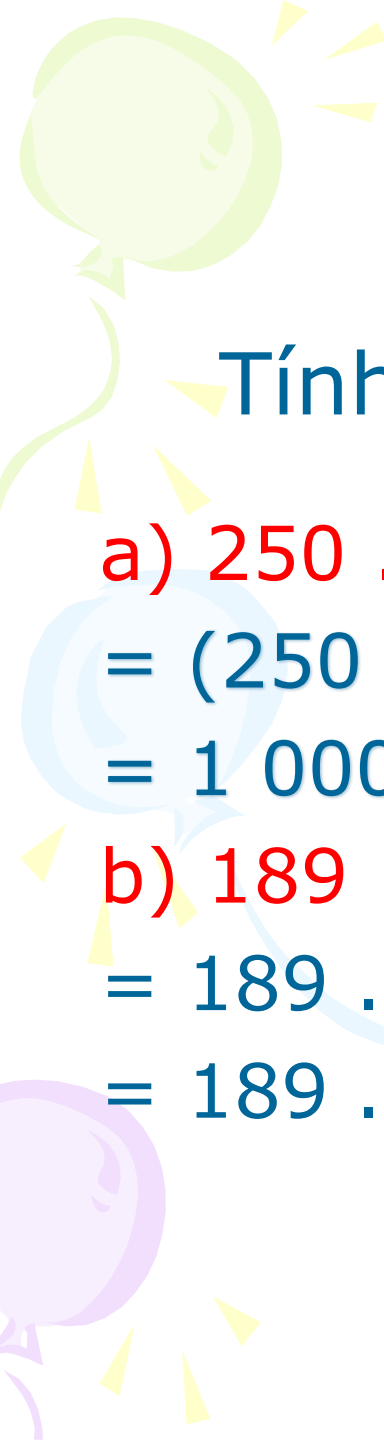
a) $25 \cdot 29 \cdot 4$;

b) $37 \cdot 65 + 37 \cdot 35$.

Giải

$$\begin{aligned} \text{a) } 25 \cdot 29 \cdot 4 &= 25 \cdot 4 \cdot 29 = (25 \cdot 4) \cdot 29 \\ &= 100 \cdot 29 = 2\,900. \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} \text{b) } 37 \cdot 65 + 37 \cdot 35 &= 37 \cdot (65 + 35) \\ &= 37 \cdot 100 = 3\,700. \end{aligned}$$



Luyện tập 2:

Tính một cách hợp lý:

a) $250 \cdot 1\,476 \cdot 4$

$$= (250 \cdot 4) \cdot 1\,476$$

$$= 1\,000 \cdot 1\,476 = 1\,476\,000$$

b) $189 \cdot 509 - 189 \cdot 409$

$$= 189 \cdot (509 - 409)$$

$$= 189 \cdot 100 = 18\,900$$



Luyện tập 3:

3 Một gia đình nuôi 80 con gà. Biết trung bình một con gà ăn 105 g thức ăn trong một ngày. Gia đình đó cần bao nhiêu ki-lô-gam thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày?

Gia đình đó cần số ki-lô-gam thức ăn cho đàn gà trong 10 ngày là:

$$\begin{aligned}105 \cdot 10 &= 1\,050 \text{ (g)} \\ &= 1,05 \text{ (kg)}\end{aligned}$$

Bài tập 1: Tính

1. Tìm các số thích hợp ở

a) $a \cdot 0 =$

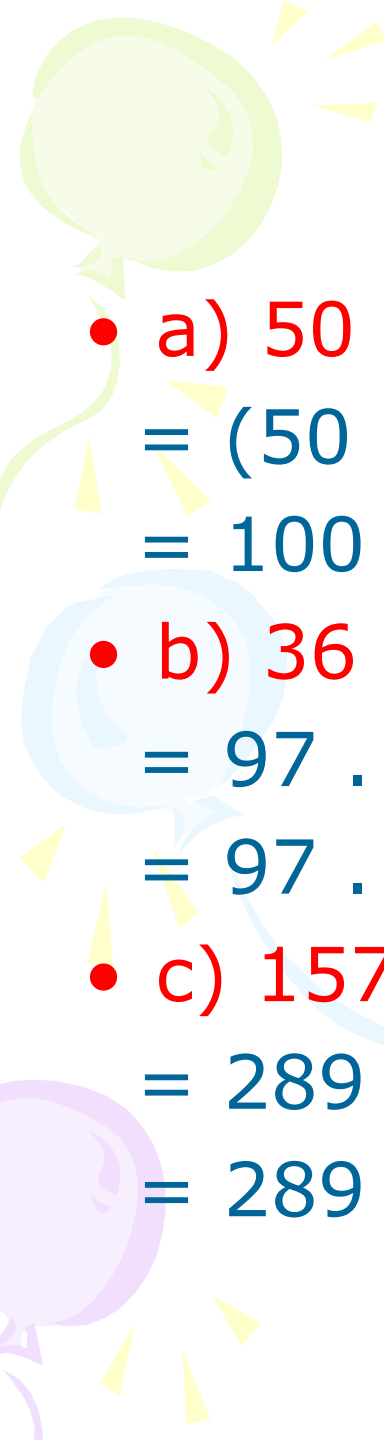
b) $a : 1 =$

c) $0 : a =$ ($a \neq 0$).

Bài Tập 2

Tính hợp lý

- a) $50 \cdot 347 \cdot 2$
- b) $36 \cdot 97 + 97 \cdot 64$
- c) $157 \cdot 289 - 289 \cdot 57$



Bài Tập 2

- a) $50 \cdot 347 \cdot 2$
 $= (50 \cdot 2) \cdot 347$
 $= 100 \cdot 347 = 34\,700$
- b) $36 \cdot 97 + 97 \cdot 64$
 $= 97 \cdot (36 + 64)$
 $= 97 \cdot 100 = 9\,700$
- c) $157 \cdot 289 - 289 \cdot 57$
 $= 289 \cdot (157 - 57)$
 $= 289 \cdot 100 = 28\,900$

Bài Tập 3

Đặt tính rồi tính:

a) 409.215

a)

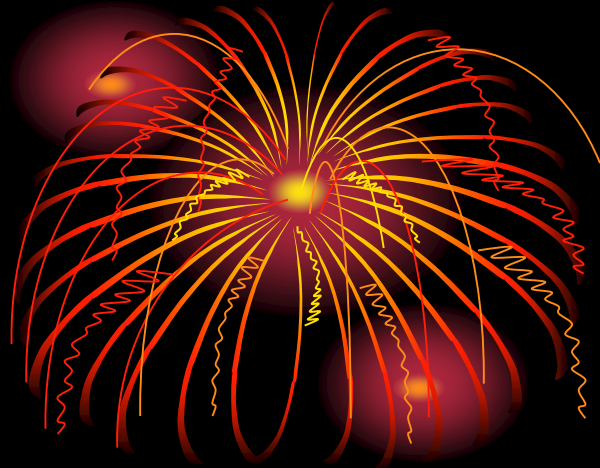
$$\begin{array}{r} 409 \\ \times 215 \\ \hline 2045 \\ 409 \\ 818 \\ \hline 87935 \end{array}$$

Nhiệm vụ: chơi trò chơi ***Ai nhanh hơn:*** Em hãy nối nội dung ở cột A với nội dung ở cột B để được phát biểu đúng

A		B
1. Giao hoán		a. $= ab$
2. Kết hợp		b. $=(25.4).29= 2900$
3. Nhân với số 1		c. $= 5ab$
4. $5.a.b$		d. $(a.b).c = a.(b.c)$
5. $25.29.4$		e. $a.b=b.a$
6. $a.b$		f. $a.1 = 1.a = a$

-Đọc trước bài mới Tiết 2“Bài
4:Phép nhân, phép chia các số tự
nhiên” cho tiết học sau.





Cảm ơn quý thầy cô và các em học sinh

